

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2017

“V/v yêu cầu không công
nhận quan hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

Thư ký phiên tòa: Ông Trần T Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Xuân Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 07 năm 2017 về việc “ Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1975 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 09/06/2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bùi Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994 nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Hiện nay anh không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với chị T nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh và chị T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 03 con chung là Bùi Thị Phương T1, sinh năm 1994, Bùi Thị Phương T2, sinh năm 1997, Bùi Phương T3, sinh năm 2005, sau khi không công nhận quan hệ giữa anh và chị T là quan hệ vợ chồng, anh đồng ý giao con chung là Bùi Phương T3 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với Bùi Thị Phương T1, Bùi Thị Phương T2 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị T trình bày: Chị xác nhận việc chung sống giữa chị và anh T như anh T trình bày là đúng. Hiện nay chị cũng không còn tình cảm với anh T nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh T là quan hệ vợ chồng, chị đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau anh chị có 03 con chung là Bùi Thị Phương T1, sinh năm 1994, Bùi Thị Phương T2, sinh năm 1997, Bùi Phương T3, sinh năm 2005, sau khi không công nhận quan hệ giữa chị và anh T là quan hệ vợ chồng, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Phương T3, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với Bùi Thị Phương T1, Bùi Thị Phương T2 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của anh Bùi Văn T yêu cầu không công nhận quan hệ giữa anh và chị T là quan hệ vợ chồng, nơi cư trú của chị T ở thôn A, xã L, TX. P, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án về việc yêu cầu “Không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Bùi Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Huỳnh Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét yêu cầu không công nhận quan hệ giữa anh T và chị T là quan hệ vợ chồng thấy rằng: Hiện nay anh Bùi Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Huỳnh Thị T vì tình cảm giữa anh và chị T không còn, không thể tiếp tục sống chung, nguyên nhân là do anh và chị T không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Chị T cũng xác nhận nội dung anh T trình bày là đúng và cùng đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh T. Xét thấy việc anh T và chị T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nay mâu thuẫn phát sinh không thể tiếp tục chung sống, phía anh T có yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh chị là quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Bùi Văn T và chị Huỳnh Thị T là quan hệ vợ chồng.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Huỳnh Thị T thấy rằng: Chị Huỳnh Thị T có nguyện vọng sau khi không công nhận quan hệ giữa chị và anh T là quan hệ vợ chồng thì chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Phương T3, sinh năm 2005, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, anh Bùi Văn T cũng đồng ý với yêu cầu của chị T. Căn cứ vào Biên bản lấy lời khai cháu Bùi Phương T3 ngày 18/8/2017 thì cháu T3 có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị T sau khi không công nhận quan hệ giữa anh và chị T là quan hệ vợ chồng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Bùi Văn T và chị Huỳnh Thị T về người trực tiếp nuôi con chung. giao con chung là Bùi Phương T3 chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Đối với Bùi Thị Phương T1, Bùi Thị Phương T2 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra việc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bị đơn chị Huỳnh Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án anh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Thủy đã nộp theo Biên lai thu số 0005703 ngày 29/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14; Điều 15; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Văn T đối với chị Huỳnh Thị T; Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Bùi Văn T và chị Huỳnh Thị T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Bùi Văn T và chị Huỳnh Thị T về việc nuôi con. Chị Huỳnh Thị T có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Phương T3, sinh năm 2005, cho đến khi thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Văn T có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích con chưa thành niên bên không trực tiếp nuôi con có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0005703 ngày 29/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- CCTHADS thị xã Phước Long;
- UBND xã (Phường);
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Danh